TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 666/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2020
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020 và tuyên án ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm 1990 (có mặt).

Thường trú: Số 98M, đường số 111, Tổ 12, ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Thường trú: Tổ 12, ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 18/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch M trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị Bạch M) và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2006, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 19/02/2019.

Sau khi kết hôn, bà theo chồng về sống chung bên nhà chồng tại ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được gần 01 năm thì về nhà bà mẹ ruột của bà sinh con và sinh sống, chồng bà cũng đi theo bà.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, trong đó chủ yếu là do chồng bà không quan tâm vợ con, một mình bà phải chăm lo cho gia đình, mặt khác chồng bà còn có người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù bà khuyên và tha thứ nhiều lần nhưng chồng bà vẫn không thay đổi. Từ tháng 01/2019 vợ chồng bà chính thức sống ly thân cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông H.

Vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay.

Về con chung: Có 01 con chung, tên là Nguyễn T, sinh ngày 20/01/2007, con chung đang sống với chồng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không cần ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Hữu H không có mặt nên không có lời khai của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Giao con chung cho bà M được quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Nguyễn Hữu H hiện có địa chỉ tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Nguyễn Hữu H mà không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch M về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2006, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 19/02/2019, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Tại phiên tòa, bà M cho rằng sau khi kết hôn, bà theo chồng về sống chung bên nhà chồng tại ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được gần 01 năm thì về nhà bà mẹ ruột của bà sinh con và sinh sống, chồng bà cũng đi theo bà. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, trong đó chủ yếu là do chồng bà không quan tâm vợ con, một mình bà phải chăm lo cho gia đình, mặt khác chồng bà còn có người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù bà khuyên và tha thứ nhiều lần nhưng chồng bà vẫn không thay đổi. Từ tháng 01/2019 vợ chồng bà chính thức sống ly thân cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông H.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông H có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà M cương quyết xin ly hôn với ông H vì không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng không có mặt mà không có lý do,

điều này thể hiện ông H không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà M và ông H không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà M là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà M và ông H có 01 con chung, tên là Nguyễn T, sinh ngày 20/01/2007, con chung đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi con, không cần ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do trẻ T có nguyện vọng được sống với bà M, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Tài sản chung*:

Bà M khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Bà M khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bạch M.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bạch M được quyền ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung:

Giao trẻ Nguyễn T, sinh ngày 20/01/2007 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Bà M khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà M khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà M phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083718 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Nguyễn Hữu H) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- UBND xã T, H. C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương